# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 52/2012/TT-BTC, ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**
Năm báo cáo: **2012**

## I.THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5100101762
- Vốn điều lệ: 63.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 63.000.000.000đồng
- Địa chỉ: số 390, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
- Số điện thoại: 02193 866708, 02193867533
- Số fax: 02193867068
- Website: www hgm.vn
- Mã cổ phiếu: HGM

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Thành lập doanh nghiệp: Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: 1003000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp ngày 28/02/2006, vốn điều lệ là 10.000.000.000đồng và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 13/7/2009, mã số doanh nghiệp: 5100101762; đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 20/12/2011, vốn điều lệ là 63.000.000.000đồng.
- **Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần**: Năm 2006 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần.
- Niêm yết cổ phiếu: Ngày 21/12/2009, cổ phiếu của công ty được niêm yết và giao dịch lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: HGM và số lượng cổ phiếu niêm yết là 6.000.000 cổ phiếu
- **Các sự kiện khác:** Ngày 06/03/2012 là ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 và ngày 31/03/2012 đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2011.
- Quyết định số: 03/QĐ-HĐQT, Ngày 20/4/2012 "V/v thành lập Chi nhánh Hà Nội – Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang"
- Ngày 22/5/2012 Công ty thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2011 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 30%.
- Ngày 28/8/2012 Công ty thanh toán tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 30%.

- Ngày 22/11/2012 Công ty thanh toán tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 70%.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh:
- Tổ chức thăm dò và chế biến các loại khoáng sản
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.
- Địa bàn kinh doanh: Tập trung tại trụ sở công ty số 390, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang và khu Mỏ xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

**4.1.Mô hình quản trị:**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY**
**CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

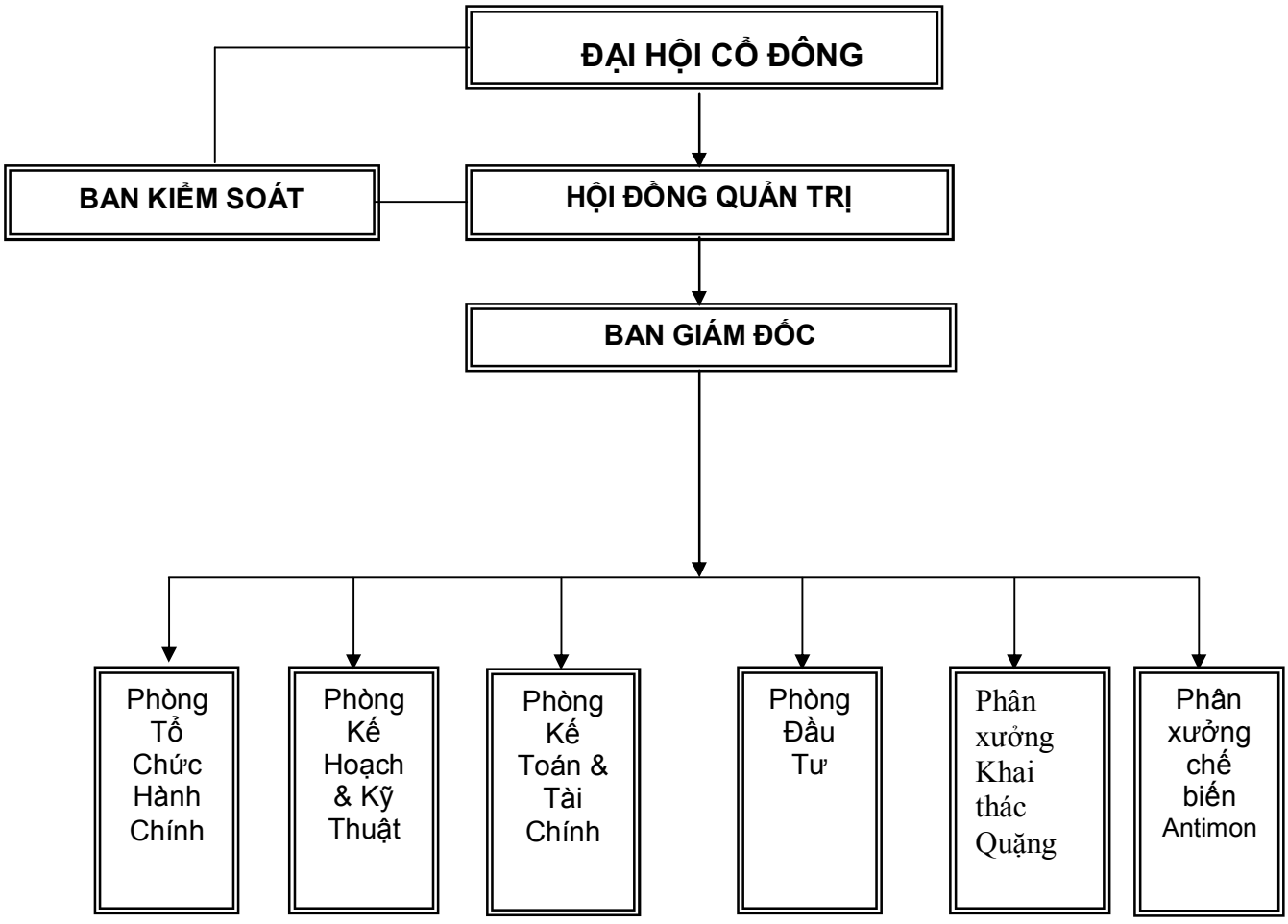

**4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:**

Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.

**4.3. Công ty con, công ty liên kết:**

Đến thời điểm 31/12/2012 chưa thực hiện liên kết hay thành lập công ty con nào.

**5. Định hướng phát triển:**

➢ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Phát triển bền vững sản phẩm A-H, tập trung khai thác và chế biến sản phẩm antimon kim loại đạt chất lượng cao;
- Trở thành một trong những công ty hàng đầu sản xuất và cung cấp antimon kim loại tại Việt Nam;
- Đầu tư mua cổ phần tại các công ty có cùng ngành nghề khai thác và chế biến khoáng sản để đa dạng hóa hoạt động kinh doanh;
- Đào tạo đội ngũ CB-CNV có trình độ, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao;
- Xây dựng thương hiệu HGM thành thương hiệu mạnh và có uy tín đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước;
- Áp dụng từng bước các hệ thống quản lý chất lượng ISO, tăng cường các mặt công tác để tạo uy tín trên thương trường, bảo toàn vốn, tăng năng lực cạnh tranh.

➢ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Đầu tư hoàn thiện dây chuyền tuyển quặng antimon để tận thu tài nguyên khoáng sản;
- Đầu tư hoàn thiện dây chuyền thiêu, luyện để nâng cao hiệu suất thu hồi;
- Tổ chức thăm dò, nâng cấp trữ lượng mỏ quặng antimon Mậu Duệ và mỏ quặng antimon Thâm Tiềng –Bó Mới đưa vào khai thác phục vụ nguyên liệu cho Nhà máy luyện;
- Mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng cường công tác thu mua quặng hàm lượng cao hỗ trợ nguyên liệu cho nhà máy luyện.

➢ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

❖ Đối với môi trường:

- Đầu tư hệ thống xử lý khí thải cho nhà máy luyện;
- Tiếp tục hoàn thiện dự án bãi chứa thải số 1 mỏ Mậu Duệ; tăng cường công tác trồng cây xanh để bảo vệ cảnh quan môi trường xung quanh khu vực mỏ.

❖ Đối với xã hội và cộng đồng:

- Tích cực tham gia công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ địa phương theo khả năng thực tế của Công ty.

- Công ty tập trung đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, góp sức trong công tác xã hội, từ thiện

**6. Các rủi ro:**

Sản phẩm antimon kim loại nhãn hiệu A-H do Công ty sản xuất sẽ phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước mới sản xuất sản phẩm antimon kim loại. Do đó nhãn hiệu A-H để được khách hàng ưa chuộng, Công ty phải nâng cao chất lượng sản phẩm, thị phần nhằm khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường.

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái. Các yếu tố rủi ro mang tính hệ thống này đã tác động vào mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.

**6.1. Rủi ro tỷ giá:**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Trong khi đó, sản phẩm của Công ty chủ yếu tiêu thụ thông qua một đơn vị trong nước. Do đó, biến động về tỷ giá giữa đồng Việt Nam và USD sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro này. Công ty tiến hành dự báo biến động giá để chủ động trong sản xuất và kinh doanh.

**6.2. Rủi ro về giá cổ phiếu**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đầu tư mua 487.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 8.676.000.000 đồng (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**6.3. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu của một khách hàng mà từ trước đến nay chưa phải trích lập dự phòng phải thu cho khách hàng này.

**6.4. Rủi ro về luật pháp**

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Khoáng sản, Luật Môi trường, Luật Thuế, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan đến thị

trường Chứng khoán…. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật cũng như thông lệ quốc tế. Với hệ thống luật và chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp thời sự thay đổi của các chính sách của hệ thống pháp luật sẽ gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp luật, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

**6. 5. Rủi ro khác:**

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh...đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xẩy ra nhưng nếu xẩy ra có thể làm ảnh hưởng đến kế hoach kinh doanh hoặc gây thiệt hại đến Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM :

**1.Tình hình hoạt động sản xuất trong năm**:

Công ty khai thác và chế biến antimon kim loại xuất khẩu nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty phụ thuộc nhiều vào sản lượng tiêu thụ sản phẩm, sản phẩm của Công ty lại phụ thuộc và nhu cầu thị trường và diễn biến chung của kim loại màu thế giới. Trong bối cảnh đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được kết quả chủ yếu sau:

| Chỉ tiêu<br>Đv: triệu đồng | Năm 2011 | Năm 2012 | % tăng, giảm 2012/2011 | Kế hoạch năm 2012 | % hoàn thành năm 2012 |
|---|---|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 254.356 | 288.594 | 13,46% | | |
| Doanh thu thuần | 195.310 | 182.908 | - 6,35% | 160.000 | 114,3% |
| Lợi nhuận HĐKD | 161.829 | 144.447 | - 10,74% | 104.000 | 138,89% |
| Lợi nhuận trước thuế | 160.720 | 149.710 | - 6,85% | 104.000 | 143,95% |

- Năm 2012kinh tế thế giới và trong nước gặp rất nhiều khó khăn đã ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.

- Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, lao động Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang đã không ngừng cố gắng để đạt và vượt mức kế hoạch, với mức lợi nhuận trước thuế 149.710 tỷ đồng đạt 143,95 % kế hoạch đề ra. Những kết quả

mà Công ty đã đạt được trong năm qua cho thấy được sự cố gắng nỗ lực và rất đáng tự hào khi mà trong tỉnh và cả nước có hàng trăm nghìn doanh nghiệp khó khăn phải ngừng sản xuất, lâm vào tình trạng phá sản.

**Bảng chi phí hoạt động kinh doanh năm 2012**

| TT | Yếu tố chi phí | Năm 2011 | | Năm 2012 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Giá trị | %/DTT | Giá trị | %/DTT |
| 1 | Doanh thu | 195.310 | | 182.908 | |
| 2 | Giá vốn hàng bán | 45.876 | 23,48% | 52.972 | 28,96% |
| 3 | Chi phí bán hàng | 772.59 | 0,39% | 833.6 | 0,45% |
| 4 | Chi phí QLDN | 6.971,4 | 3,57% | 9.759,9 | 5,33% |
| 5 | Chi phí HĐTC | 23,8 | 0,012% | 34,2 | 0,018 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang*

- Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu, khấu hao tài sản cố định, nhân công và các chi phí phân bổ khác. Trong đó, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất ước tính khoảng hơn 82% tổng chi phí giá vốn hàng bán.
- Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số chi phí và bằng 28,96% doanh thu thuần trong năm 2012. Do mặt hàng sản xuất và kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là antimon kim loại. nên giá vốn hàng bán chiếm tỷ trong cao so với doanh thu thuần. Ảnh hưởng từ sự khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh của Công ty không được thuận lợi khiến doanh thu và chi phí của Công ty giảm trong năm 2012.
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với doanh thu thuần cho thấy việc kiểm soát chi phí này của Công ty tốt. Chi phí bán hàng năm 2012 là: 0,833 tỷ đồng chiếm 0,45 % doanh thu. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 là 9,759 tỷ đồng chiếm 5,33% doanh thu là do 6 tháng cuối năm 2012 Công ty thành lập Chi nhánh Hà Nội.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

- **Danh sách Ban điều hành**:

Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của:

1. Ông Trịnh Ngọc Hiếu — Giám đốc
2. Ông Đào Xuân Tuất — Phó Giám đốc
3. Ông Nguyễn Văn Biên — Phó Giám đốc
4. Ông Đỗ Khắc Hùng — Kế toán trưởng

### 1. Giám đốc - Trịnh Ngọc Hiếu

| | |
|---|---|
| Họ và tên | Trịnh Ngọc Hiếu |
| Chức danh | Giám đốc |

| | |
|---|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 20/12/1965 |
| CMTND | 073014830 cấp ngày 24/11/2005 tại Hà Giang |
| Dân tộc | Kinh |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Quê quán | Hoằng Amh. Hoằng Hóa, Thanh Hóa |
| Địa chỉ thường trú | Tổ 2 Quang Trung, TP Hà Giang, Hà Giang |
| Điện thoại liên lạc | 0913271491 |
| Trình độ văn hóa | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư chế tạo máy, cử nhân quản trị kinh doanh |

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến thời điểm hiện tại) 122.600 cổ phần chiếm 1,94% tổng số cổ phần đang lưu hành).

- Sở hữu 122.600 cổ phần (chiếm 1,94% tổng số cổ phần đang lưu hành)
- Đại diện: 0 cổ phần (chiếm 0% tổng số cổ phần đang lưu hành)

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
Các khoản nợ đối với công ty: Không

**2. Phó Giám đốc – Đào Xuân Tuất**

| | |
|---|---|
| Họ và tên | Đào Xuân Tuất |
| Chức danh | Phó Giám đốc |
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 25/09/1958 |
| CMTND | 073215550 cấp ngày 16/11/2006 tại Hà Giang |
| Dân tộc | Kinh |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Quê quán | Nam Long. Nam Trực, Nam Định |
| Địa chỉ thường trú | Tổ 8, P. Mimh Khai, TP Hà Giang, Hà Giang |
| Điện thoại liên lạc | 0912430868 |
| Trình độ văn hóa | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Lâm sinh |

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến thời điểm hiện tại) 74.800 cổ phần chiếm 1,18% tổng số cổ phần đang lưu hành).

- Sở hữu 74.800 cổ phần (chiếm 1,18% tổng số cổ phần đang lưu hành)
- Đại diện: 0 cổ phần (chiếm 0% tổng số cổ phần đang lưu hành)

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
Các khoản nợ đối với công ty: Không

**3. Phó Giám đốc – Nguyễn Văn Biên**

| | |
|---|---|
| Họ và tên | Nguyễn Văn Biên |
| Chức danh | Phó Giám đốc |
| Giới tính | Nam |

| | |
|---|---|
| Ngày sinh | 15/03/1964 |
| CMTND | 073019913 cấp ngày 15/08/2007 tại Hà Giang |
| Dân tộc | Kinh |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Quê quán | Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên |
| Địa chỉ thường trú | Tổ 8, P. Mimh Khai, TP Hà Giang, Hà Giang |
| Điện thoại liên lạc | 0912 479747 |
| Trình độ văn hóa | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Khai thác, cử nhân quản trị kinh doanh |

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến thời điểm hiện tại) 20.200 cổ phần chiếm 0,32% tổng số cổ phần đang lưu hành).

- Sở hữu 20.200 cổ phần (chiếm 0,32% tổng số cổ phần đang lưu hành)
- Đại diện: 0 cổ phần (chiếm 0% tổng số cổ phần đang lưu hành)

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
Các khoản nợ đối với công ty: Không

**4. Kế toán trưởng – Đỗ Khắc Hùng**

| | |
|---|---|
| Họ và tên | Đỗ Khắc Hùng |
| Chức danh | Kế toán trưởng |
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 10/03/1974 |
| CMTND | 073188312 cấp ngày 20/03/2006 tại Hà Giang |
| Dân tộc | Kinh |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Quê quán | N |
| Địa chỉ thường trú | Tổ 17, P. Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, Hà Giang |
| Điện thoại liên lạc | 0912393944 |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu và đại diện (tính đến thời điểm hiện tại) 39.000 cổ phần chiếm 0,619% tổng số cổ phần đang lưu hành).

- Sở hữu 39.000 cổ phần (chiếm 0,619% tổng số cổ phần đang lưu hành)
- Đại diện: 0 cổ phần (chiếm 0% tổng số cổ phần đang lưu hành)

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
Các khoản nợ đối với công ty: Không

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành**

| STT | Họ và tên | Chức vụ | SCMND | Số lượng cổ phần sở hữu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Trịnh Ngọc Hiếu | Giám đốc | 073014830 | 122.600 |
| 2 | Đào Xuân Tuất | Phó Giám đốc | 073215550 | 74.800 |
| 3 | Nguyễn Văn Biên | Phó Giám đốc | 073019913 | 20.200 |
| 4 | Đỗ Khắc Hùng | Kế toán trưởng | 073188312 | 39.000 |
| | **Tổng cộng** | | | **256.600** |

- **Những thay đổi trong Ban điều hành**: Không có sự thay đổi
- **Số lượng cán bộ, nhân viên**: Số lượng công nhân viên, lao động toàn công ty: 209 người
- **Chính sách đối với người lao động**:
  - Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, thể hiện cử cán bộ đi đào tạo các khóa nghiệp vụ ngắn hạn, tuyển chọn người có trình độ Đại học vào làm việc theo đúng ngành, tiếp tục cử công nhân đi học các chuyên ngành công ty đang thiếu để nâng cao tay nghề cho công nhân lao động;
  - Điều chỉnh và xây dựng đơn giá khoán tiền lương, khoán sản phẩm cho từng bộ phận, kích thích tăng năng suất lao động ở các bộ phận;
  - Được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước (Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, BHTN, nghỉ ốm, nghỉ phép... và các chế độ khen thưởng, phúc lợi khác)

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**:

a) **Các khoản đầu tư lớn**:

1. Các khoản đầu tư thực hiện trong năm 2012:

- Dự án mở rộng bãi thải số 1 mỏ Mậu Duệ giá trị: 5.994.015.688đồng;
- Đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng dự án công trình cải tạo, nâng cấp xưởng thiêu luyện antimon kim loại (đường kênh dẫn khói bằng bê tông cốt thép thay cho hệ thống đường kênh bằng tôn; nhà sản xuất, hệ thống làm mát, hệ thống thu bụi túi vải, lò phản xạ và các hệ thống phụ trợ), trị giá: 5.946.717.700đồng;
- Đầu tư mua 487.600 cổ phần của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 8.676.000.000đồng (mệnh giá là 10.000đồng/cổ phần)
- Dự án thăm dò và nâng cấp trữ lượng mỏ Mậu Duệ trị giá: 1.046.739.351đồng;

b) **Công ty con, công ty liên kết**: Chưa phát sinh

**4. Tình hình tài chính:**

a) **Tình hình tài chính**

- Tổng tài sản cuối năm 2012 của Công ty tăng 13,46 % so với cuối năm 2011 là do các khoản tiền và tương đương tiền tăng hơn 59,38 tỷ đồng và phải thu ngắn hạn giảm 11,58 tỷ đồng, Nếu như trong năm 2011, tài sản ngắn hạn chiếm 87,5% % tổng giá trị tài sản thì con số này năm 2012 là 86,2%.
- Kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất

*ĐVT: 1.000đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | % tăng giảm |
|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 254.356.444.765 | 288.594.652.974 | 13,46% |
| Doanh thu thuần | 195.310.526.560 | 182.908.177.864 | - 6,35% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 161.829.123.314 | 144.447.707.929 | - 10,74% |
| Lợi nhuận khác | 1.108.932.106 | 5.262.888.071 | 3.74% |
| Lợi nhuận trước thuế | 160.720.191.208 | 149.710.596.000 | - 6,85% |
| Lợi nhuận sau thuế | 149.449.848.029 | 138.283.727.635 | - 7,47% |
| Tỷ lệ cổ tức | 80% | 100% | 25% |
| EPS (đồng/cổ phiếu) | 24.608 | 21.950 | - 10,8% |

*Nguồn: BCTC kiểm toán CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang*

- Doanh thu của Công ty chủ từ hoạt động kinh doanh sản phẩm antimon kim loại. Do ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới nên doanh thu bán hàng của Công ty giảm trong năm 2012 là 6,35% so với năm 2011.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng nhanh trong giai đoạn 2010-2012, cuối năm 2012 tăng 30,84% so với cuối năm 2011. Tính đến thời điểm hiện tại vốn điều lệ của Công ty 63.000.000.000đồng, tăng 5% so với năm 2010.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 132,96% kế hoạch và giảm 7,47 % so với năm 2011.
- Công ty chi trả cổ tức với tỷ lệ rất cao 80% năm 2011 và dự kiến trả cổ tức năm 2012 là 100 %

**Các chỉ tiêu khác**:

- Công ty được ưu đãi giảm 50% thuế cho hoạt động chính, giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định tại thông tư số 140/2012/TT-BTC, ngày 21/08/2012. Do vậy, chi phí thuế thu nhập hiện hành của Công ty chiếm tỷ lệ nhỏ và trong năm 2012, chi phí này chỉ có 11.426.868.365đồng.

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2011 | Năm 2012 |
|---|---|---|---|
| 1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán<br>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>TSLĐ/Nợ ngắn hạn<br>+ Hệ số thanh toán nhanh: | Lần | 4,35 | 8,84 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 4,14 | 8,53 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 23,0 | 11,3 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 29,0 | 12,8 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ | Lần | 3,75 | 5,15 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | Lần | 0,77 | 0,63 |
| 4. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 76,52 | 75,62 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 76,39 | 54,0 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 58,75 | 47,9 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 82,85 | 79,0 |

**Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

*Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*: Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng trong năm 2012 là do tài sản ngắn hạn tăng 11,83%, trong khi nợ ngắn hạn giảm tới 44,14%, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty nằm ở mức khá cao cho thấy khả năng thanh toán nợ của Công ty càng lớn.

*Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn:* Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu thông qua việc chỉ số Nợ/tổng tài sản giảm xuống trong năm 2012. Điều này cho thấy sự chủ động về tài chính của HGM và hoạt động kinh doanh không bị chịu ảnh hưởng của chi phí lãi vay trong bối cảnh lãi suất đầy biến động trong thời gian vừa qua.

*Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*: Các chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho tăng và doanh thu thuần/tổng tài sản có su hướng giảm xuống cho thấy việc quản lý hàng tồn kho và khả năng tạo doanh thu từ tài sản của Công ty giảm xuống. Do Công ty kinh doanh chủ yếu là sản phẩm antimon kim loại. Bên cạnh đó kinh tế trong nước và ngoài nước gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến giá tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, các chỉ tiêu năng lực hoạt động của Công ty năm 2012 có giảm xuống.

Chỉ tiêu và khả năm sinh lời: Chỉ tiêu ROA, ROE giảm xuống trong năm 2012 do hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn từ kinh tế vĩ mô khiến lợi nhuận sau thuế năm 2012 của Công ty giảm 7,47%, trong khi đó tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tăng hơn 13,46% so với năm 2011. Mặc dù vậy, các chỉ tiêu đánh giá khả năm sinh lời của Công ty vẫn ở mức cao ổn định trong những năm qua.

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a) cổ phần:**

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 6.300.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 6.300.000 cổ phần
+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.000.000 cổ phần
+ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 300.000 cổ phần

**b) Cơ cấu cổ đông:**

| Chỉ tiêu | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ% |
|---|---|---|
| -Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ | 6.300.000 | 100% |
| *+ Cổ đông lớn* | 4.017.280 | 63,76% |
| *+ Cổ đông nhỏ* | 2.282.720 | 36,24% |
| -Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân | 6.300.000 | 100% |
| *+ Cổ đông tổ chức* | 3.719.120 | 59,03% |
| *+ Cổ đông cá nhân* | 2.580.880 | 40,97% |
| -Cổ đông trong nước và cổ đông ngoài nước | 6.300.000 | 100% |
| *+ Cổ đông trong nước* | 6.255.600 | 99,30% |
| *+ Cổ đông ngoài nước* | 44.400 | 0,7% |
| -Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác | 6.300.000 | 100% |
| *+ Cổ đông Nhà nước* | 2.938.140 | 46,63% |
| *+ Cổ đông khác* | 3.361.860 | 53,37% |

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**: *Không có*

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ**: *Không có*

**e) Các chứng khoán khác:** *Không có*

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Được sự chỉ đạo tích cực của Hội đồng quản trị, trong năm qua Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt việc điều hành hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện đúng các định hướng sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua, đảm bảo điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quyền hạn quy trong Điều lệ Công ty.

Do khó khăn chung của toàn nền kinh tế nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt được như năm 2011 nhưng lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt 138.283.727.635đồng, với kết quả lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2012 đã đạt được cho thấy được sự cố gắng vượt bậc của Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, lao động Công ty trong bối cảnh khó khăn hàng trăm nghìn doanh nghiệp bị rơi vào tình trạng phá sản trong năm qua.

**Các chỉ tiêu năm 2012 và tiến độ thực hiện các chỉ tiêu năm 2012**

| Chỉ tiêu | ĐV | Chỉ tiêu 2012 | Kết quả năm 2012 | Hoàn thành kế hoạch |
|---|---|---|---|---|
| Doanh thu thuần | Tr.đồng | 160.000 | 182.908 | 114,32% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 104.000 | 149.710 | 143,95% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | | 138.283 | |

Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm của từng lô hàng, theo dõi cập nhật những thông tin phản hồi của khách hàng để cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng với nhu cầu khách hàng.

Với lợi thế về chất lượng sản phẩm cũng như giá bán tương đối ổn định, đồng thời với lợi thế là doanh nghiệp sản xuất và phân phối độc quyền sản phẩm antimon kim loại A-H tại thị trường Việt Nam, Công ty đã ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm ổn định trong năm.

**2. Tình hình tài chính**:

**a. Tình hình tài sản:**

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Tài sản ngắn hạn** | **248.786.258.593** | **222.450.297.275** |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 235.255.185.951 | 175.868.218.273 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 0 | 20.000.000.000 |
| 3 | Phải thu ngắn hạn | 2.473.033.960 | 14.060.403.063 |
| 4 | Hàng tồn kho | 10.268.587.718 | 12.215.163.510 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 789.451.324 | 306.512.429 |
| **II** | **Tài sản dài hạn** | **39.808.394.381** | **31.906.147.490** |
| 1 | Tài sản cố định | 29.360.330.732 | 25.670.836.326 |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 9.176.000.000 | 5.100.000.000 |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 1.272.063.649 | 1.135.311.164 |
| | **Tổng tài sản** | **288.594.652.974** | **254.356.444.765** |

- Tổng tài sản cuối năm 2012 của Công ty tăng 13,46 % so với cuối năm 2011 là do các khoản tiền và tương đương tiền tăng hơn 59,38 tỷ đồng và phải thu ngắn hạn giảm 11,58 tỷ đồng, Nếu như trong năm 2011, tài sản ngắn hạn chiếm 87,5% % tổng giá trị tài sản thì con số này năm 2012 là 86,2%.
- Năm 2012, Công ty thực hiện thanh lý toàn bộ tài sản cố định, vật tư hàng hóa và quyền khai thác, chế biến khoáng sản tại mỏ Chì – kẽm Tà Pan cho Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Sơn với tổng giá trị chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 18.320.000.000 đồng (thuế giá trị gia tăng là 1.480.000.000đồng).
- Công ty đầu tư mua 487.600 cổ phần của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 8.676.000.000đồng (mệnh giá là 10.000đồng/cổ phần)
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao theo thời gian hữu ích của tài sản và phù hợp với thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng trích khấu hao tài sản cố định.

  Tài sản cố hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | 2012<br>Số năm |
|---|---|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 06 – 25 |
| Máy móc thiết bị | 05 – 07 |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 |

**Bảng các khoản phải thu của Công ty**

| STT | Các khoản phải thu | Năm 2011 | Năm 2012 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Phải thu ngắn hạn** | **14.060.403.063** | **2.473.033.960** |
| 1 | Phải thu của khách hàng | 11.276.600.172 | 234.386.987 |
| 2 | Trả trước cho người bán | 984.887.514 | 1.797.575.903 |
| 3 | Các khoản phải thu khác | 2.147.901.510 | 1.167.311.923 |
| 4 | Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 348.986.133 | 726.240.853 |
| **II** | **Phải thu dài hạn** | **-** | **-** |
| | **Tổng các khoản phải thu** | **14.060.403.063** | **2.473.033.960** |

**b, Tình hình nợ phải trả**

**Bảng các khoản phải trả của Công ty**

| STT | Nợ phải trả | Năm 2011 | Năm 2012 |
|---|---|---|---|
| **I** | **Nợ ngắn hạn** | **58.378.231.816** | **32.613.970.522** |
| 1 | Phải trả người bán | 5.286.608.748 | 3.736.624.002 |
| 2 | Người mua trả tiền trước | 3.963.200.000 | 8.300.000 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp NN | 14.931.837.281 | 15.407.852.340 |
| 4 | Phải trả người lao động | 2.312.935.500 | 2.685.931.200 |
| 5 | Chi phí phải trả | 1.808.934.310 | 641.952.712 |
| 6 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn | 19.114.330.728 | 191.662.281 |
| 7 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 10.969.385.249 | 9.941.647.978 |
| **II** | **Nợ dài hạn** | **340.580.122** | **9.000.000** |
| 1 | Phải trả dài hạn khác | 9.000.000 | 9.000.000 |
| 2 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 331.580.122 | - |
| | **Tổng cộng** | **58.378.231.816** | **32.613.970.522** |

Tính đến thời điểm cuối năm 2012 Công ty không phải vay và nợ ngắn hạn, nợ dài hạn.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.**

- **Về phương thức kinh doanh**: Kinh doanh trên cơ sở các nhận định, dự báo, dự đoán giá cả của thị trường trong nước và quốc tế, kịp thời nắm bắt cơ hội đã góp phần lớn vào hiệu quả chung của Công ty.
- **Về thị trường**: Khách hàng và thị trường đang là lợi thế của Công ty. Các thị trường chính và truyền thống là Nhật Bản vẫn duy trì và phát triển. Trong năm Công ty tập trung mở rộng thị trường tiêu thụ sang các nước Đông Âu và một số thị trường khác.
- **Về Cơ cấu tổ chức của Công ty:** Công ty đã tổ chức sắp xếp, cơ cấu lại các Phòng ban, Phân xưởng, giao quyền chủ động cho các đơn vị làm cho bộ máy vừa gọn nhẹ, vừa linh hoạt. Công ty đã thành lập Chi nhánh Hà Nội bước đầu đi vào hoạt động .

  Công ty đã ban hành các quy chế, quy định để hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Công ty như quy định phân cấp trong quản lý điều hành giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh

**Các biện pháp kiểm soát**

Kiểm soát nguồn nguyên liệu: Công ty mua than các loại phục vụ sản xuất từ các nhà cung cấp được lựa chọn các nguyên liệu đạt chất lượng cao, giao hàng đúng kế hoạch.

Kiểm tra chất lượng sản phẩm: Sản phẩn Antimon kim loại của Công ty đều được cán bộ hóa nghiệm kiểm tra chặt chẽ từ khâu lấy mẫu, kiểm mẫu, lưu mẫu và lập hồ sơ. Do vậy trong những năm vừa qua Công ty không có tranh chấp khiếu kiện về chất lượng sản phẩm .

Công tác tài chính kế toán: Phòng Tài chính Kế toán Công ty có trách nhiệm thực hiện công tác kế toán quản trị, theo dõi chặt chẽ các chi phí, công nợ, tồn kho, vòng quay vốn, các phòng Kế hoạch kỹ thuật thường xuyên kiểm kê đối chiếu hàng hóa tồn kho, công nợ khách hàng với Phòng tài chính Kế toán.

**4.Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**4.1. Các mục tiêu tổng quát của Công ty năm 2013**

- ❖ Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, nâng cao thu nhập cho người lao động; tăng cường công tác quản trị chi phí; đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án quyết định đến tăng trưởng của Công ty; lựa chọn các đối tác có tiềm năng để hợp tác đầu tư ra ngoài Công ty. Đảm bảo môi trường kinh doanh để phát triển Công ty bền vững.

- ❖ **Mục tiêu cụ thể:**

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2013 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu thuần | Tr.đồng | 160.000 | |
| 2 | Sản phẩm antimon kim loại | Tấn | 800 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 76.000 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | |
| 5 | Cổ tức tối thiểu | % | 50 |

- ❖ Vơi lợi thế là nhà độc quyền sản xuất sản phẩm antimon kim loại A-H, Công ty sẽ tiếp tục cố gắng phát huy lợi thế này trong năm 2013 với tiêu chí duy trì những khách hàng truyền thống hiện có và tìm kiếm thêm những khách hàng mới có đầy đủ năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty.
- ❖ Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, tình hình kinh tế năm 2013 sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp khó lường. Công ty luôn theo sát diễn biến thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp tối ưu nhất nhằm quản lý kinh doanh tốt. tăng cường nghiên cứu thị trường, cải tiến công nghệ, thiết bị máy móc, nâng cao trình độ kỹ thuật cho đội ngũ công nhân lao động, phát huy hết khả năng mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

**4.2.Phương hướng nhiệm vụ năm 2013**

- ❖ Tích cực điều hành hoạt động của Công ty trong năm 2013, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra.
- ❖ Xây dựng các giải pháp thực hiện sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch năm 2013, cụ thể:
  - Huy động tối đa thiết bị máy móc, nhân lực tổ chức khai thác quặng đảm bảo phục vụ sản xuất cho hai cụm lò của thiêu hoạt động liên tục;
  - Nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu suất thu hồi trong công tác thiêu. Luyện đảm bảo đủ sản phẩm cung cấp cho khách hàng theo kế hoạch;
  - Triển khai thực hiện tốt các dự án đầu tư đảm bảo đúng tiến độ để đưa vào sản xuất. Đồng thời, chú trọng triển khai các dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất mới như nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, quản trị chất lượng...;
  - Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin thị trường kịp thời và đầy đủ để tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh;
  - Điều hành tài chính linh hoạt, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản; theo dõi và quản trị tốt công nợ, hàng hóa tồn kho, tăng vòng quay vốn;
  - Chú trong xây dựng thương hiệu, giới thiệu hình ảnh của Công ty trên website của Công ty cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng khác để sản phẩm của Công ty đến gần hơn với khách hàng trong và ngoài nước.
- ❖ Từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động, trích thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích trong lao động.
- ❖ Từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, chủ động trước nhu cầu thị trường bằng cách mở rộng nghiên cứu thị trường tiêu thụ sang một số nước khác...

**5.Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán**

Ban Giám đốc luôn có định hướng cho các khoản đầu tư để mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong bối cảnh phức tạp của nền kinh tế trong nước cũng như trên thế giới, lãnh đạo và cán bộ công nhân, lao động Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang đã không ngừng cố gắng để hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch. Với mức lợi nhuận 149.710 tỷ đồng đạt143,95% kế hoạch đề ra. Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang là một trong những Công ty hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất antimon kim loại mang nhãn hiệu A-H có chất lượng cao và có uy tín đối với khách hàng trong nước và trên thế giới.

Nền tài chính của Công ty luôn vững mạnh trong nhiều năm liền và sẽ tiếp tục trong các năm tiếp theo tạo niềm tin cho các cổ đông, khách hàng...

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.

Hội đồng quản trị đánh giá trong năm 2012. Ông Trịnh Ngọc Hiếu đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ quy định. Ban Giám đốc đã cùng các cán bộ quản lý khác có nhiều cố gắng thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị chỉ đạo như sau:

- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường năm 2012;
- Hoàn thành việc trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 80%;
- Thanh toán tạm ứng cổ tức đợt 1 và đợt 2 năm 2012 với tỷ lệ 100%;
- Ban hành các Quy chế hoạt động của Công ty;
- Thành lập Chi nhánh Hà Nội.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

❖ Định hướng hoạt động:

Năm 2013 Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu và hiệu quả cụ thể:

- Định hướng hoạt động đầu tư an toàn, tập trung vào các hoạt động chính;
- Củng cố mô hình tổ chức, tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao;
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng quản lý điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh năm 2013.

❖ Công tác phát triển:

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch năm 2013 đã đề ra, phấn đấu tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 đạt 50% trở lên;
- Phấn đấu hoàn thành dự án xưởng tuyển đưa vào hoạt động trong năm 2013 và các dự án khác theo kế hoạch.

## V. Quản trị Công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Ma Ngọc Tiến | Chủ tịch HĐQT | 20.400 | 0,32% | Không điều hành |
| 2 | Trịnh Ngọc Hiếu | Ủy viên HĐQT | 122.600 | 1,94% | |
| 3 | Đào Xuân Tuất | Ủy viên HĐQT | 74.800 | 1,18% | |
| 4 | Phạm Thành Đô | Ủy viên HĐQT | 199.900 | 3,17% | Không điều hành |
| 5 | Lê Thanh Tuấn | Ủy viên HĐQT | 0 | 0 | Không điều hành |
| 6 | Tạ Hồng Thăng | Ủy viên HĐQT | 16.200 | 0,25% | Không điều hành |
| 7 | Nguyễn Trung Hiếu | Ủy viên HĐQT | 0 | 0 | Không điều hành |
| **Tổng cộng** | | | **433.900** | **6,88** | |

**b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: ( không có)**

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 07/01/2012 | Phiên họp thường kỳ thông qua kết quả SXKD năm 2011 |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 18/01/2012 | Lấy ý kiến thông qua thành lập Chi nhánh Hà Nội. |
| 3 | 04/NQ-HĐQT | 30/03/2012 | Thông qua nội dung các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 |
| 4 | 06/NQ-HĐQT | 14/05/2012 | Lấy ý kiến thông qua kế hoạch mua cổ phiếu của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng |
| 5 | 07/NQ-HĐQT | 21/07/2012 | Phiên họp thường kỳ thông qua báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2012 |
| 6 | 08/NQ-HĐQT | 18/08/2012 | Lấy ý kiến " V/v góp vốn Điều lệ phần tăng thêm vào Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng" |
| 7 | 09/NQ-HĐQT | 23/10/2012 | Lấy ý kiến: thông qua về chi tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2012 với tỷ lệ 70%, thời gian thực hiện vào ngày 22/11/2012 |
| 8 | 10/NQ-HĐQT | 16/11/2012 | Phiên họp thường kỳ thong qua báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2012 |
| 9 | 11/NQ-HĐQT | 28/12/2012 | Lấy ý kiến: Thông qua chủ trương gia tăng tỷ trọng đầu tư vào Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng thong qua hình thức mua cổ phiếu |

Năm 2012 là năm thứ hai Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, nhiệm kỳ II. Cơ cấu HĐQT hiện tại có 05 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và 02 thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào Ban điều hành đã giúp Hội đồng quản trị có quan điểm và cách đánh giá các vấn đề của Công ty khách quan và đa chiều; đảm bảo cân bằng giữa quyền lợi của cổ đông và quyền lợi của các chủ thể

khác của Công ty. Trong năm 2012 HĐQT đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình trong phạm vi, quyền hạn quy định trong Điều lệ của Công ty, thể hiện cụ thể qua các nội dung sau:

- ❖ HĐQT đã thường xuyên tổ chức họp định kỳ và bất thường để quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh để phù hợp với các chủ trương chính sách của Nhà nước, cập nhật kịp thời và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyết định của HĐQT thông qua đều được HĐQT chỉ đạo Ban Giám đốc triển khai thực hiện. HĐQT vừa đưa ra định hướng sát thực với chủ trương chính sách của Nhà nước và điều kiện pháp triển kinh doanh của Công ty vừa giám sát hướng dẫn Ban Giám đốc và các cấp quản lý thực hiện công việc, kịp thời tham gia ý kiến về kinh doanh. Sau mỗi phiên họp đều có Biên bản và Nghị quyết theo đúng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Bộ phận giúp việc Hội đồng đã chuẩn bị chu đáo các tài liệu cho nội dung họp và gửi trước đến các thành viên để nghiên cứu nên khi họp đạt kết quả cao.
- ❖ Nhằm lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Hội đồng quản trị đã thường xuyên bàn và thống nhất các nội dung sau:
  - ✓ Chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh.
  - ✓ Bằng việc phê duyệt kế hoạch năm – quý – 6 tháng.
  - ✓ Chỉ đạo về chuyển đổi ngành nghề, phương thức kinh doanh.
  - ✓ Chỉ đạo, xem xét các quyết toán quý – 6 tháng – cả năm, đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý tài chính, cơ cấu vốn và hiệu quả sử dụng vốn.
  - ✓ Giao kế hoạch, chỉ đạo, phê duyệt các dự án đầu tư, bao gồm cả đầu tư trực tiếp.
  - ✓ Về đề án thăm dò mỏ quặng Bó Mới – Thâm Tiềng.
  - ✓ Ban hành và hoàn thiện các quy chế nội bộ như: Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tiền lương, thưởng, Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

**Nhận xét đánh giá chung**

- ❖ Mặt mạnh:

Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Công ty với tinh thần trách nhiệm cao. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động Công ty, xây dựng các chủ trương Nghị quyết, chiến lược, quan tâm giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành để công việc đạt hiệu quả cao.

Về tổng thể, năm 2012 là năm có nhiều khó khăn và thách thức tuy nhiên Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc và toàn thể người lao động trong Công ty đã nỗ lực phấn đấu để đạt được kết quả như sau:

- Doanh thu và lợi nhuận đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ cuối năm 2012 tăng 219,5%;
- Tình hình tài chính Công ty lành mạnh, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn;
- Các dự án đầu tư được triển khai tích cực;
- Công tác tổ chức cán bộ được củng cố và tăng cường;

- Vai trò, vị trí và uy tín của Công ty tiếp tục được nâng cao.

Những kết quả trên đạt được là do sự chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Công ty, sự nỗ lực, nắm bắt kịp thời của các Phòng ban và sự phối hợp giữa các đơn vị. Đặc biệt là chính sách tiền lương đã góp phần tích cực cho việc hoàn thành vượt mức kế hoạch, đòn bẩy cho việc thực hiện của các Phòng ban.

❖ Về hạn chế:

Tuy nhiên, cũng còn nhiều tồn tại nhiều mặt hạn chế cần điều chỉnh khắc phục như nhận thức chưa theo kịp sự biến đổi của thị trường, bỏ lỡ một số cơ hội đầu tư. Đồng thời Công ty cũng cần quan tâm phát triển công tác tổ chức cán bộ nhằm hoàn chỉnh bộ máy và đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

**d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và theo dõi, giám sát công tác quản lý của Ban Giám đốc.

**e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị**: Không có

f. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị** có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

**2. Ban Kiểm soát**

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lương Thị Tuyết | Trưởng BKS | 20.700 | 0,33% | |
| 2 | Nguyễn Hữu Dũng | Thành viên BKS | 13.000 | 0,20% | |
| 3 | Vàn Quốc Tân | Thành viên BKS | 12.400 | 0,19% | |
| **Tổng cộng** | | | **46.100** | **0,73%** | |

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thực và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của HGM cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo HGM về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm;
- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của HGM, theo dõi luôn chuyển vốn của HGM;
- Kiểm soát các báo cáo tài chính quý, sáu tháng và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi trình Hội đồng quản trị;

- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ Công ty;
- Công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình.

**Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

| STT | Biên bản | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | | 06/07/2012 | Kiểm tra tình hình triển khai KHSXKD 6 tháng đầu năm 2012 |
| 2 | | 10/10/2012 | Kiểm tra tình hình thực hiện KHSXKD 9 tháng đầu năm 2012 |
| 3 | | 15/01/2013 | Kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 |

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.**

**a. Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích**

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu | Thù lao được hưởng (đồng/người/tháng) |
|---|---|---|---|---|
| **I.** | **Thù lao của Hội đồng quản trị** | | | |
| 1 | Ma Ngọc Tiến | Chủ tich HĐQT | 20.400 | 10.000.000 |
| 2 | Trịnh Ngọc Hiếu | Ủy viên HĐQT | 122.600 | 8.000.000 |
| 3 | Đào Xuân Tuất | Ủy viên HĐQT | 74.800 | 8.000.000 |
| 4 | Phạm Thành Đô | Ủy viên HĐQT | 199.900 | 8.000.000 |
| 5 | Lê Thanh Tuấn | Ủy viên HĐQT | 0 | 8.000.000 |
| 6 | Tạ Hồng Thăng | Ủy viên HĐQT | 16.200 | 8.000.000 |
| 7 | Nguyễn Trung Hiếu | Ủy viên HĐQT | 0 | 8.000.000 |
| **II.** | **Ban kiểm soát** | | | |
| 1 | Lương Thị Tuyết | Trưởng BKS | 20.700 | 8.000.000 |
| 2 | Nguyễn Hữu Dũng | Ủy viên BKS | 13.000 | 5.000.000 |
| 3 | Vàn Quốc Tân | Ủy viên BKS | 12.400 | 5.000.000 |

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

- Ngày 10 tháng 10 năm 2012 Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và pháp triển Việt Nam - cổ đông lớn đăng ký mua 100.000 cổ phiếu, ngày 17 tháng 10 năm 2012 báo cáo đã mua được 79.600 cổ phiếu HGM.

**c. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Hợp tác xã Vận tải Hồng Thúy, địa chỉ xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang, người đại diện là Bà Phan Thị Hồng – chức vụ Chủ nhiệm Hợp tác xã.

Người liên quan là Vợ của Ông Đào Xuân Tuất – Thành viên HĐQT, đã ký hợp đồng số: 01/HĐ-CKKS, ngày 10/02/2012 với Công ty "V/v thuê đào xúc và vận chuyển khối lượng mỏ tại mỏ quặng antimon Mậu Duệ, Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Giá trị hợp đồng thực hiện trong năm 2012 là 1.077.659.457đồng *( Một tỷ không trăm bẩy bẩy triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi bẩy đồng chẵn)* chưa bao gồm thuế VAT.

**d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1.Ý kiến kiểm toán

*Số: 465 /Deloitte-AUDHN-RE*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** **Các Cổ đông**
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
**Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 02 năm 2013, từ trang 3 đến trang 20. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Trương Anh Hùng**
**Phó Tổng Giám đốc**
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

**Hoàng Văn Kiên**
**Kiểm toán viên**
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

***Thay mặt và đại diện cho***
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 20 tháng 02 năm 2013*
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|---|---|---|---|---|
| **A.** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)** | **100** | | **248.786.258.593** | **222.450.297.275** |
| **I.** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **5** | **235.255.185.591** | **175.868.218.273** |
| 1. | Tiền | 111 | | 10.367.683.451 | 3.387.664.493 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | 224.887.502.140 | 172.480.553.780 |
| **II.** | **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **-** | **20.000.000.000** |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | 20.000.000.000 |
| **III.** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **2.473.033.960** | **14.060.403.063** |
| 1. | Phải thu khách hàng | 131 | | 234.386.987 | 11.276.600.172 |
| 2. | Trả trước cho người bán | 132 | | 1.797.575.903 | 984.887.514 |
| 3. | Các khoản phải thu khác | 135 | | 1.167.311.923 | 2.147.901.510 |
| 4. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (726.240.853) | (348.986.133) |
| **IV.** | **Hàng tồn kho** | **140** | **6** | **10.268.587.718** | **12.215.163.510** |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | | 10.268.587.718 | 12.215.163.510 |
| **V.** | **Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **789.451.324** | **306.512.429** |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 100.176.000 | - |
| 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 229.529.085 | - |
| 3. | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 459.746.239 | 306.512.429 |
| **B.** | **TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)** | **200** | | **39.808.394.381** | **31.906.147.490** |
| **I.** | **Tài sản cố định** | **220** | | **29.360.330.732** | **25.670.836.326** |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 20.751.282.154 | 19.145.024.431 |
| - | *Nguyên giá* | *222* | | *37.189.442.280* | *33.887.801.430* |
| - | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(16.438.160.126)* | *(14.742.776.999)* |
| 2. | Tài sản cố định vô hình | 227 | 8 | 2.281.836.679 | 2.387.321.926 |
| - | *Nguyên giá* | *228* | | *5.130.031.356* | *5.130.031.356* |
| - | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | *(2.848.194.677)* | *(2.742.709.430)* |
| 3. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 9 | 6.327.211.899 | 4.138.489.969 |
| **II.** | **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | **9.176.000.000** | **5.100.000.000** |
| 1. | Đầu tư dài hạn khác | 258 | 10 | 9.176.000.000 | 5.100.000.000 |
| **III.** | **Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **1.272.063.649** | **1.135.311.164** |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 425.337.764 | 362.439.797 |
| 2. | Tài sản dài hạn khác | 268 | | 846.725.885 | 772.871.367 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)** | | **270** | | **288.594.652.974** | **254.356.444.765** |

*Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|---|---|---|---|
| **A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)** | **300** | | **32.622.970.522** | **58.727.811.938** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **32.613.970.522** | **58.387.231.816** |
| 1. Phải trả người bán | 312 | | 3.736.624.002 | 5.286.608.748 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 313 | | 8.300.000 | 3.963.200.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 11 | 15.407.852.340 | 14.931.837.281 |
| 4. Phải trả người lao động | 315 | | 2.685.931.200 | 2.312.935.500 |
| 5. Chi phí phải trả | 316 | | 641.952.712 | 1.808.934.310 |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 12 | 191.662.281 | 19.114.330.728 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 9.941.647.987 | 10.969.385.249 |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | **9.000.000** | **340.580.122** |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 9.000.000 | 9.000.000 |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | 331.580.122 |
| **B. NGUỒN VỐN (400 = 410)** | **400** | | **255.971.682.452** | **195.628.632.827** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | **13** | **255.971.682.452** | **195.628.632.827** |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 63.000.000.000 | 63.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 125.295.083.055 | 56.153.219.237 |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 4.706.929.283 | 4.706.929.283 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 1.103.464.642 | 1.103.464.642 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 57.366.205.472 | 66.165.019.665 |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)** | **440** | | **288.594.652.974** | **254.356.444.765** |

| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | Thuyết minh | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|---|---|---|
| 1. Ngoại tệ các loại | | | |
| Đô la Mỹ (USD) | | 1.182.357,31 | 1.178.220,69 |
| Nhân dân tệ (CNY) | | 3.130,76 | 22.439,66 |

| | | |
|---|---|---|
| **Hoàng Lê Khanh** | **Đỗ Khắc Hùng** | **Trịnh Ngọc Hiếu** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |

*Ngày 20 tháng 02 năm2013*

*Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MẪU SỐ B 02-DN**
Đơn vị: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2012 | 2011 |
|---|---|---|---|---|---|
| **1.** | **Doanh thu bán hàng** | **01** | **15** | **182.908.177.864** | **195.310.526.560** |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| **3.** | **Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01-02)** | **10** | | **182.908.177.864** | **195.310.526.560** |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | 16 | 52.972.239.586 | 45.876.491.778 |
| **5.** | **Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11)** | **20** | | **129.935.938.278** | **149.434.034.782** |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 17 | 25.139.593.739 | 20.162.952.686 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | | 34.265.748 | 23.806.097 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 24 | | 833.623.193 | 772.591.191 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 9.759.935.147 | 6.971.466.866 |
| **10.** | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}** | **30** | | **144.447.707.929** | **161.829.123.314** |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | 19 | 18.876.437.179 | 1.610.381.872 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | 19 | 13.613.549.108 | 2.719.313.978 |
| **13.** | **Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31-32)** | **40** | **19** | **5.262.888.071** | **(1.108.932.106)** |
| **14.** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)** | **50** | | **149.710.596.000** | **160.720.191.208** |
| 15. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 20 | 11.426.868.365 | 11.270.343.179 |
| **16.** | **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)** | **60** | | **138.283.727.635** | **149.449.848.029** |
| 17. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 21 | 21.950 | 24.608 |

| | | |
|---|---|---|
| **Hoàng Lê Khanh** | **Đỗ Khắc Hùng** | **Trịnh Ngọc Hiếu** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |

*Ngày 20 tháng 02 năm2013*

*Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính*

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2012 | 2011 |
|---|---|---|---|
| **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | ***149.710.596.000*** | ***160.720.191.208*** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | 3.895.854.282 | 2.210.667.847 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | 377.254.720 | (50.000.000) |
| - (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | - | (2.332.302.655) |
| - (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (29.857.815.960) | (14.083.335.424) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 34.265.748 | - |
| ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | ***124.160.154.790*** | ***146.465.220.976*** |
| - Biến động các khoản phải thu | 09 | 12.235.151.490 | 6.064.019.685 |
| - Biến động hàng tồn kho | 10 | 1.946.575.792 | (6.211.606.016) |
| - Biến động các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | (2.001.231.339) | (8.605.806.423) |
| - Biến động chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác | 12 | (619.691.380) | (58.701.666) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (34.265.748) | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (15.787.339.180) | (842.064.102) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | 1.224.768.979 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (15.968.415.272) | (9.053.406.501) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | ***103.930.939.153*** | ***128.982.424.932*** |
| **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (12.682.528.467) | (13.029.101.086) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 10.000.000.000 | 81.818.182 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (32.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 20.000.000.000 | 56.410.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (4.076.000.000) | (4.600.000.000) |
| 6. Thu lãi từ tiền gửi và cho vay | 27 | 24.114.556.632 | 12.307.389.224 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | ***37.356.028.165*** | ***19.170.106.320*** |
| **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 7.500.000.000 |
| 2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (81.900.000.000) | (42.000.000.000) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | ***(81.900.000.000)*** | ***(34.500.000.000)*** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** | **59.386.967.318** | **113.652.531.252** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **175.868.218.273** | **59.883.384.366** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | 2.332.302.655 |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **235.255.185.591** | **175.868.218.273** |

| | | |
|---|---|---|
| **Hoàng Lê Khanh** | **Đỗ Khắc Hùng** | **Trịnh Ngọc Hiếu** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |

*Ngày 20 tháng 02 năm2013*

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 số 5100101762 ngày 20 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 63.000.000.000 đồng. Trong đó Nhà nước góp là 29.381.400.000 đồng, chiếm 46,637% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 209 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 191).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tổ chức thăm dò, khai thác và chế biến các loại khoáng sản;
- Sản xuất gia công các mặt hàng cơ khí và xây lắp các công trình điện vừa và nhỏ đến 35kv;
- Tổ chức các dịnh vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179

không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | 2012 |
|---|---|
| | Số năm |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 07 |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 |

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất tại đường Trần Phú và đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, chi phí đầu tư nghiên cứu thăm dò điểm quặng antimon (bản quyền khai thác mỏ antimon), bản quyền bằng sáng chế - đề tài Chì-Kẽm.

Công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với các tài sản cố định vô hình, thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này là 05 năm. Riêng tài sản cố định là quyền sử dụng đất sẽ được khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không thời hạn sẽ không được khấu hao.
Theo Quyết định số 2623/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của UBND tỉnh Hà Giang, Công ty sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 130.940,7 m2 đất tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh để khai thác quặng antimon với thời hạn sử dụng đất là 30 năm kể từ ngày 27 tháng 12 năm 1996. Giá trị để có quyền sử dụng đất được đánh giá là không đáng kể

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính

khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

**Vốn quỹ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính (nay được thay thế bằng Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính) và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng cục thuế. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm thứ tư công ty hoạt động liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế; từ năm 2008 trở đi Công ty sẽ bắt đầu áp dụng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%. Do chưa có sự thống nhất về ưu đãi thuế nêu trên nên Công ty đã tính và kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 theo quy định của Công văn số 555/CT-KTT.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon cho 6 tháng đầu năm 2010 là 7%. Theo Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 là 10%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 826.326.642 | 879.519.076 |
| Tiền gửi ngân hàng | 9.541.356.809 | 2.508.145.417 |
| Các khoản tương đương tiền | 224.887.502.140 | 172.480.553.780 |
| | **235.255.185.591** | **175.868.218.273** |

## 6. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|---|---|---|
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.889.553.409 | 2.703.800.901 |
| Công cụ, dụng cụ | 425.207.741 | 786.361.792 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 364.058.358 | - |
| Thành phẩm | 7.589.768.210 | 8.725.000.817 |
| **Cộng** | **10.268.587.718** | **12.215.163.510** |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| **Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho** | **10.268.587.718** | **12.215.163.510** |

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc<br>VND | Máy móc, thiết bị<br>VND | Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn<br>VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý<br>VND | Cộng<br>VND |
|---|---|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | | |
| **Số dư tại ngày 01/01/2012** | **16.158.550.312** | **11.623.059.875** | **5.328.858.681** | **777.332.562** | **33.887.801.430** |
| **Tăng trong năm** | **3.968.542.971** | **6.413.666.112** | **-** | **296.195.454** | **10.678.404.537** |
| Mua trong năm | 3.968.542.971 | 6.413.666.112 | - | 296.195.454 | 10.678.404.537 |
| **Giảm trong năm** | **4.599.513.687** | **2.700.000.000** | **-** | **77.250.000** | **7.376.763.687** |
| Thanh lý, nhượng bán | 4.599.513.687 | 2.700.000.000 | - | 77.250.000 | 7.376.763.687 |
| **Số dư tại ngày 31/12/2012** | **15.527.579.596** | **15.336.725.987** | **5.328.858.681** | **996.278.016** | **37.189.442.280** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | | |
| **Số dư tại ngày 01/01/2012** | **6.593.049.340** | **6.156.917.350** | **1.689.070.250** | **303.740.059** | **14.742.776.999** |
| **Tăng trong năm** | **1.435.211.646** | **1.384.372.832** | **741.194.817** | **229.589.740** | **3.790.369.035** |
| Khấu hao trong năm | 1.435.211.646 | 1.384.372.832 | 741.194.817 | 229.589.740 | 3.790.369.035 |
| **Giảm trong năm** | **1.927.735.909** | **89.999.999** | **-** | **77.250.000** | **2.094.985.908** |
| Thanh lý, nhượng bán | 1.927.735.909 | 89.999.999 | - | 77.250.000 | 2.094.985.908 |
| **Số dư tại ngày 31/12/2012** | **6.100.525.077** | **7.451.290.183** | **2.430.265.067** | **456.079.799** | **16.438.160.126** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | | |
| **Tại ngày 31/12/2012** | **9.427.054.519** | **7.885.435.804** | **2.898.593.614** | **540.198.217** | **20.751.282.154** |
| **Tại ngày 31/12/2011** | **9.565.500.972** | **5.466.142.525** | **3.639.788.431** | **473.592.503** | **19.145.024.431** |

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với giá trị là 6.684.300.180 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 8.337.631.874 đồng).

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Bản quyền, bằng sáng chế VND | Tài sản cố định vô hình khác VND | Cộng VND |
|---|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | |
| **Số dư tại ngày 01/01/2012** | **2.432.595.455** | **380.554.359** | **2.316.881.542** | **5.130.031.356** |
| Tăng trong năm | - | - | - | - |
| **Số dư tại ngày 31/12/2012** | **2.432.595.455** | **380.554.359** | **2.316.881.542** | **5.130.031.356** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | | |
| **Số dư tại ngày 01/01/2012** | **45.273.529** | **380.554.359** | **2.316.881.542** | **2.742.709.430** |
| Khấu hao trong năm | 105.485.247 | - | - | 105.485.247 |
| **Số dư tại ngày 31/12/2012** | **150.758.776** | **380.554.359** | **2.316.881.542** | **2.848.194.677** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | |
| **Tại ngày 31/12/2012** | **2.281.836.679** | **-** | **-** | **2.281.836.679** |
| **Tại ngày 31/12/2011** | **2.387.321.926** | **-** | **-** | **2.387.321.926** |

## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG DỞ DANG

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|---|---|
| Dự án Thăm dò mỏ antimony mỏ Bó Mới giai đoạn 1 | 5.072.670.987 | 4.138.489.969 |
| Dự án Nhà máy tuyển quặng antimony Mậu Duệ | 536.708.631 | - |
| Dự án Xây dựng trụ sở văn phòng HGM | 174.360.909 | - |
| Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ antimony mỏ Mậu Duệ | 543.471.372 | - |
| | **6.327.211.899** | **4.138.489.969** |

## 10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|---|---|
| Góp vốn vào quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Hà Giang | 500.000.000 | 500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (i) | 8.676.000.000 | 4.600.000.000 |
| | **9.176.000.000** | **5.100.000.000** |

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đầu tư mua 487.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 8.676.000.000 đồng (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần). Công ty chưa được cung cấp số liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để làm cơ sở xác định khoản đầu tư này có bị suy giảm giá trị và Công ty có phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư hay không. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ (nếu có) Công ty phải gánh chịu của khoản đầu tư trên là không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty.

## 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | 3.296.395.951 | 1.210.464.902 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.909.872.364 | 11.270.343.179 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 42.675.075 | 50.723.100 |
| Thuế tài nguyên | 4.661.056.800 | 2.376.048.000 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | 353.000 | 353.000 |
| Các loại thuế khác | 497.499.150 | 23.905.100 |
| | **15.407.852.340** | **14.931.837.281** |

## 12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2012 VND | 31/12/2011 VND |
|---|---|---|
| Bảo hiểm xã hội | 3.439.100 | - |
| Kinh phí công đoàn | 20.497.961 | 64.184.979 |
| Cổ tức năm 2011 chưa trả | - | 18.900.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 167.725.220 | 150.145.749 |
| | **191.662.281** | **19.114.330.728** |

## 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Số dư tại ngày 01/01/2011** | **60.000.000.000** | - | **18.785.886.283** | **4.706.929.283** | **3.981.420.238** | **25.830.748.994** |
| **Tăng trong năm** | **3.000.000.000** | **4.500.000.000** | **37.367.332.954** | - | **(2.877.955.596)** | **149.449.848.029** |
| Tăng trong năm | 3.000.000.000 | 4.500.000.000 | 37.367.332.954 | - | (2.877.955.596) | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 149.449.848.029 |
| **Giảm trong năm** | - | - | - | - | - | **109.115.577.358** |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | - | - | 48.189.377.358 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | 60.900.000.000 |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | 26.200.000 |
| **Số dư tại ngày 01/01/2012** | **63.000.000.000** | **4.500.000.000** | **56.153.219.237** | **4.706.929.283** | **1.103.464.642** | **66.165.019.665** |
| **Tăng trong năm** | - | - | **69.141.863.818** | - | - | **138.283.727.635** |
| Tăng trong năm (i) | - | - | 69.141.863.818 | - | - | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 138.283.727.635 |
| **Giảm trong năm** | - | - | - | - | - | **147.082.541.828** |
| Trích các quỹ (i) | - | - | - | - | - | 84.082.541.828 |
| Tạm chia cổ tức năm 2012 (ii) | - | - | - | - | - | 63.000.000.000 |
| **Số dư tại ngày 31/12/2011** | **63.000.000.000** | **4.500.000.000** | **125.295.083.055** | **4.706.929.283** | **1.103.464.642** | **57.366.205.472** |

(i) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/2013/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 01 năm 2013, Công ty tạm trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012 cho các quỹ đầu tư

phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 50% và 8% lợi nhuận sau thuế tương ứng 69.141.863.818 đồng và 11.062.698.211 đồng; trích quỹ làm công tác phúc lợi xã hội là 1.592.450.000 đồng; quỹ thưởng ban điều hành là 5% phần lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch năm 2012 tương ứng 2.285.529.800 đồng. Công ty đã hạch toán trích các quỹ trong năm 2012. Đồng thời, số trích các quỹ chính thức sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê chuẩn trong năm 2013.

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/2013/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 01 năm 2013, Công ty tạm thời xác định tỷ lệ chia cổ tức trong năm 2012 là 100% vốn điều lệ, tương đương 63.000.000.000 đồng. Trong đó, đã tạm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 là 18.900.000.000 đồng theo Nghị quyết số 07/NQ-HGM ngày 23 tháng 7 năm 2012; đợt 2 năm 2012 là 44.100.000.000 đồng theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2012 . Cổ tức năm 2012 sẽ được Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 phê chuẩn chính thức. Toàn bộ số cổ tức nêu trên đã được thanh toán trong năm 2012.

## VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
|---|---|---|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| *+ Cổ phiếu phổ thông* | *6.300.000* | *6.300.000* |
| *+ Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ | | |
| *+ Cổ phiếu phổ thông* | - | - |
| *+ Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| *+ Cổ phiếu phổ thông* | *6.300.000* | *6.300.000* |
| *+ Cổ phiếu ưu đãi* | - | - |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

### Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 63 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ, chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2012 | | |
|---|---|---|---|
| | Số cổ phần | Tỷ lệ % | Giá trị (VND) |
| Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) | 2.938.140 | 47 | 29.381.400.000 |
| Cổ đông đặc biệt (HĐQT, BKS, BGĐ, KTT) | 515.800 | 8 | 5.158.000.000 |
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Dương | 200.000 | 3 | 2.000.000.000 |
| Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 473.100 | 8 | 4.731.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 79.300 | 1 | 793.000.000 |
| Các cổ đông khác | 2.093.660 | 33 | 20.936.600.000 |
| | **6.300.000** | **100** | **63.000.000.000** |

## 14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chỉ thực hiện khai thác, chế biến và bán quặng antimony và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo lĩnh vực

kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực nêu trên và khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

## 15. DOANH THU BÁN HÀNG

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| Doanh thu bán hàng | 182.908.177.864 | 195.310.526.560 |
| *Doanh thu kim loại antimon* | *182.908.177.864* | *195.310.526.560* |
| | **182.908.177.864** | **195.310.526.560** |

## 16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| Giá vốn hàng bán | 52.972.239.586 | 45.876.491.778 |
| *Giá vốn kim loại antimon* | *52.972.239.586* | *45.876.491.778* |
| | **52.972.239.586** | **45.876.491.778** |

## 17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 23.058.334.035 | 14.084.708.902 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 2.332.302.655 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 1.816.670.259 | 1.789.161.999 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 264.589.445 | 1.956.779.130 |
| | **25.139.593.739** | **20.162.952.686** |

## 18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 43.736.245.202 | 10.187.818.540 |
| Chi phí nhân công | 11.501.443.518 | 10.871.499.957 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.895.854.282 | 2.210.667.847 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.790.290.690 | 24.356.771.712 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.706.759.556 | 8.340.510.144 |
| | **65.630.593.248** | **55.967.268.200** |

## 19. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| Thu từ thanh lý tài sản cố định và vật tư hàng hóa (i) | 18.320.000.000 | 309.090.909 |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm | 491.504.757 | - |
| Thu nhập khác | 64.932.422 | 1.301.290.963 |
| | **18.876.437.179** | **1.610.381.872** |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý (i) | 5.281.777.779 | 2.872.456 |
| Thanh lý tài sản, vật tư hàng hóa xí nghiệp Hà Vân (i) | 3.136.704.166 | 1.288.593.982 |
| Các khoản chi phí thuế | 2.622.047.971 | - |
| Chi hỗ trợ y tế, giáo dục | 2.008.340.200 | 186.668.177 |
| Chi phí khác | 564.678.992 | 1.241.179.363 |
| | **13.613.549.108** | **2.719.313.978** |
| | **5.262.888.071** | **(1.108.932.106)** |

(i)Công ty thực hiện thanh lý toàn bộ tài sản cố định, vật tư hàng hóa và quyền khai thác, chế biến khoáng sản tại mỏ Chì – Kẽm Tà Pan cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Minh Sơn với tổng giá trị chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 18.320.000.000 đồng (thuế giá trị gia tăng là 1.480.000.000 đồng). Toàn bộ số tiền này đã được thanh toán trong năm 2012.

## 20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| **Lợi nhuận trước thuế** | **149.710.596.000** | **160.720.191.208** |
| **Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế** | | |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | (2.332.302.655) |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 1.501.361.639 | 227.327.708 |
| **Thu nhập chịu thuế** | **151.211.957.639** | **158.615.216.261** |
| *Trong đó:* | | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính | 120.843.741.577 | 141.917.304.433 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác | 30.368.216.062 | 16.697.911.828 |
| Thuế suất (i) | 10% và 25% | 10% và 25% |
| **Thuế thu nhập doanh nghiệp** | **19.676.428.173** | **18.366.208.400** |
| *Ưu đãi giảm thuế:* | | |
| Ưu đãi giảm 50% thuế cho hoạt động chính | 6.042.187.079 | 7.095.865.221 |
| Ưu đãi giảm 30% thuế theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC (ii) | 2.207.372.729 | - |
| | **11.426.868.365** | **11.270.343.179** |

(i) Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008.

(ii) Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo quy định tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính *"hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân".*

## 21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 138.283.727.635 | 149.449.848.029 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 6.300.000 | 6.073.151 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 21.950 | 24.608 |

## 22. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại điểm 3 điều 84 của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 quy định *"Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo giấy phép khai thác được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng khoáng sản chưa khai thác"*. Theo đó, Công ty sẽ là đối tượng phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho phần trữ lượng còn lại kể từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Công ty đã nhận được Công văn số 03/CT-KTT ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Cục thuế Tỉnh Hà Giang trả lời về việc *"Trích lập dự phòng nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản"*, mặc dù Công ty là đối tượng phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tuy nhiên đến nay vẫn chưa có thông tư hướng dẫn về phương pháp tính, phương thức thu nộp. Do vậy, việc trích lập dự phòng cho số tiền này là chưa đủ các căn cứ để tính toán.

Hiện tại, Ban Giám đốc Công ty tạm ước tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền khoảng 3,7 tỷ đồng, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh vào Báo cáo tài chính năm phát sinh ngay khi có hướng dẫn cụ thể về phương pháp tính toán cũng như trích nộp của cơ quan có thẩm quyền.

## 23. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã nhất trí chủ trương gia tăng tỷ trọng đầu tư vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng thông qua hình thức mua thêm cổ phiếu với giá mỗi cổ phiếu không quá 19.000 đồng/cổ phiếu, số lượng mua thêm khoảng 3,4 triệu cổ phiếu. Mục đích của việc đầu tư này nhằm nâng tổng số cổ phần mà Công ty nắm giữ khoảng 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

## 24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm | 350.976.000 | - |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|---|---|---|
| Trong vòng một năm | 599.846.400 | - |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 849.782.400 | - |
| | **1.449.628.800** | **-** |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 80 $m^2$ tại tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội với đơn giá thuê 624.840 đồng/ $m^2$/tháng. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012.

## 25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị sổ sách | |
|---|---|---|
| | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 235.255.185.591 | 175.868.218.273 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 675.458.057 | 13.075.515.549 |
| Đầu tư ngắn hạn | - | 20.000.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | 9.176.000.000 | 5.100.000.000 |
| **Tổng cộng** | **245.106.643.648** | **214.043.733.822** |
| **Công nợ tài chính** | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 3.937.286.283 | 24.409.939.476 |
| Chi phí phải trả | 641.952.712 | 1.808.934.310 |
| **Tổng cộng** | **4.579.238.995** | **26.218.873.786** |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

| | Tài sản | |
|---|---|---|
| | 31/12/2012 | 31/12/2011 |
| | VND | VND |
| Đô la Mỹ (USD) | 24.626.138.053 | 24.539.980.531 |
| Nhân dân tệ (CNY) | 10.094.763 | 73.723.259 |

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đầu tư mua 487.600 cổ phần của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng với số tiền là 8.676.000.000 đồng (mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

## 25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu của một khách hàng mà từ trước đến nay chưa phải trích lập dự phòng phải thu cho khách hàng này. Thêm vào đó, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 so với cùng thời điểm năm 2011 không có nhiều thay đổi.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính, và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Dưới 1 năm<br>VND | Từ 1-5 năm<br>VND | Tổng cộng<br>VND |
|---|---|---|---|
| **31/12/2012** | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 235.255.185.591 | - | 235.255.185.591 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 675.458.057 | - | 675.458.057 |
| Đầu tư ngắn hạn | - | - | - |
| Đầu tư dài hạn | - | 9.176.000.000 | 9.176.000.000 |
| | **235.930.643.648** | **9.176.000.000** | **245.106.643.648** |
| **31/12/2012** | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 3.937.286.283 | - | 3.937.286.283 |
| Chi phí phải trả | 641.952.712 | - | 641.952.712 |
| | **4.579.238.995** | **-** | **4.579.238.995** |
| **Chênh lệch thanh khoản thuần** | **231.351.404.653** | **9.176.000.000** | **240.527.404.653** |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| Mua tài sản cố định từ Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao | - | 5.450.000.000 |
| Thanh toán công nợ cho Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao | - | 2.003.401.191 |

**Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

| | 2012<br>VND | 2011<br>VND |
|---|---|---|
| Lương | 1.087.526.700 | 836.187.800 |
| Tiền thưởng | 1.567.303.400 | 768.550.800 |
| Các khoản phúc lợi khác | 237.000.000 | 92.000.000 |
| | **2.891.830.100** | **1.696.738.600** |

## 27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

| | | |
|---|---|---|
| **Hoàng Lê Khanh** | **Đỗ Khắc Hùng** | **Trịnh Ngọc Hiếu** |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |

*Ngày 20 tháng 02 năm2013*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**
**GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Ngọc Hiếu**